TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 20&21/7/2025

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
1	Thái Gia Bảo	Nam	11/7/2003	Nghệ An	Kinh	5.3	8.0	2112/QĐ178/2025	TH012742	
2	Nguyễn Kim Chi	Nữ	08/11/2004	Nghệ An	Kinh	7.3	9.0	2113/QĐ178/2025	TH012744	
3	Trần Thị Mai Chi	Nữ	15/01/2004	Hà Tĩnh	Kinh	6.7	7.0	2114/QĐ178/2025	TH012745	
4	Nguyễn Thị Linh Chi	Nữ	28/3/2004	Hà Tĩnh	Kinh	6.3	8.5	2115/QĐ178/2025	TH012746	
5	Đinh Thị Mai Chi	Nữ	27/02/2004	Hà Tĩnh	Kinh	5.7	8.5	2116/QĐ178/2025	TH012747	
6	Dương Đình Điền	Nam	11/02/2003	Nghệ An	Kinh	6.0	8.0	2117/QĐ178/2025	TH012748	
7	Hoàng Thị Diệu	Nữ	18/9/2001	Nghệ An	Kinh	5.7	8.5	2118/QĐ178/2025	TH012749	
8	Đặng Xuân Đức	Nam	01/10/2003	Nghệ An	Kinh	5.3	8.5	2119/QĐ178/2025	TH012750	
9	Cao Mạnh Dũng	Nữ	03/02/2003	Nghệ An	Thổ	6.0	8.5	2120/QĐ178/2025	TH012751	
10	Trần Thị Hoa	Nữ	08/5/2004	Hà Tĩnh	Kinh	5.3	5.5	2121/QĐ178/2025	TH012752	
11	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	20/8/1981	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	2122/QĐ178/2025	TH012753	
12	Trương Thị Hương	Nữ	07/8/1987	Nghệ An	Kinh	8.0	5.0	2123/QĐ178/2025	TH012754	
13	Quang Thị Huyền	Nữ	09/9/1974	Nghệ An	Thái	6.0	5.5	2124/QĐ178/2025	TH012755	
14	Đào Thị Lài	Nữ	17/7/1980	Nghệ An	Kinh	5.3	5.5	2125/QĐ178/2025	TH012756	
15	Hoàng Thị Thùy Linh	Nữ	06/9/2002	Nghệ An	Kinh	7.0	8.0	2126/QĐ178/2025	TH012757	
16	Nguyễn Thị Diệu Linh	Nữ	30/5/2003	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	2127/QĐ178/2025	TH012758	
17	Nguyễn Ngọc Nam	Nam	21/02/1981	Nghệ An	Kinh	6.3	7.5	2128/QĐ178/2025	TH012759	
18	Lê Thị Ngọc	Nữ	24/9/2003	Nghệ An	Kinh	6.0	7.5	2129/QĐ178/2025	TH012760	
19	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	08/11/2003	Nghệ An	Kinh	6.0	7.5	2130/QĐ178/2025	TH012761	
20	Nguyễn Khắc Phúc	Nam	22/8/2002	Nghệ An	Kinh	7.0	8.5	2131/QĐ178/2025	TH012762	
21	Lê Hà Phương	Nữ	27/8/2003	Nghệ An	Kinh	5.7	7.5	2132/QĐ178/2025	TH012763	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
22	Lưu Thị Phượng	Nữ	26/02/1987	Nghệ An	Kinh	5.7	5.0	2133/QĐ178/2025	TH012764	
23	Nguyễn Thị Tâm	Nữ	01/6/2003	Thanh Hóa	Kinh	6.7	6.5	2134/QĐ178/2025	TH012765	
24	Nguyễn Thị Thương	Nữ	10/6/1987	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	2135/QĐ178/2025	TH012766	
25	Lê Thị Hoài Thương	Nữ	22/02/2003	Nghệ An	Kinh	5.3	7.5	2136/QĐ178/2025	TH012767	
26	Võ Quang Thưởng	Nam	06/11/1980	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	2137/QĐ178/2025	TH012768	
27	Phan Thị Huyền Trâm	Nữ	01/01/2003	Hà Tĩnh	Kinh	6.0	7.0	2138/QĐ178/2025	TH012769	
28	Hoàng Thị Linh Trang	Nữ	22/9/2003	Nghệ An	Kinh	6.0	7.5	2139/QĐ178/2025	TH012770	
29	Trương Thị Trúc	Nữ	17/10/2003	Nghệ An	Thái	5.3	7.5	2140/QĐ178/2025	TH012771	
30	Hồ Thị Tuyết	Nữ	30/01/1988	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	2141/QĐ178/2025	TH012772	
31	Phạm Thị Hoàng Yến	Nữ	25/6/1983	Nghệ An	Kinh	5.3	8.5	2142/QĐ178/2025	TH012773	
32	Phan Thị Y Bình	Nữ	20/11/2003	Nghệ An	Kinh	6.3	9.0	2143/QĐ178/2025	TH012774	
33	Lê Đình Gia Giáp	Nam	29/10/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	2144/QĐ178/2025	TH012775	
34	Nguyễn Thị Hồng Hải	Nữ	24/3/1983	Nghệ An	Kinh	6.0	6.0	2145/QĐ178/2025	TH012776	
35	Lê Thị Hạnh	Nữ	06/9/2001	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	2146/QĐ178/2025	TH012777	
36	Hà Thị Thu Hiền	Nữ	30/10/2003	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	2147/QĐ178/2025	TH012778	
37	Nguyễn Thu Hương	Nữ	12/01/2001	Sơn La	Kinh	6.3	8.5	2148/QĐ178/2025	TH012779	
38	Nguyễn Thị Thu Hường	Nữ	12/10/1993	Nghệ An	Kinh	6.0	8.5	2149/QĐ178/2025	TH012780	
39	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	10/01/2001	Nghệ An	Kinh	6.3	6.0	2150/QĐ178/2025	TH012781	
40	Bùi Diễm Huyền My	Nữ	12/02/2003	Nghệ An	Kinh	6.0	9.0	2151/QĐ178/2025	TH012782	
41	Nguyễn Lê Na	Nữ	08/5/2001	Nghệ An	Kinh	5.7	8.0	2152/QĐ178/2025	TH012783	
42	Nguyễn Thị Kim Ngọc	Nữ	16/5/2003	Nghệ An	Kinh	6.3	8.5	2153/QĐ178/2025	TH012784	
43	Trần Yến Nhi	Nữ	22/12/2003	Hà Tĩnh	Kinh	6.0	7.0	2154/QĐ178/2025	TH012785	
44	Phạm Thị Linh Nhi	Nữ	20/4/2003	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	2155/QĐ178/2025	TH012786	
45	Vi Thị Nhi	Nữ	15/10/2001	Nghệ An	Thái	5.7	6.5	2156/QĐ178/2025	TH012787	
46	Nguyễn Nhi Nữ	Nữ	02/8/2003	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	2157/QĐ178/2025	TH012788	
47	Đặng Phương Oanh	Nữ	12/01/2003	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	2158/QĐ178/2025	TH012789	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
48	Đặng Hà Phương	Nữ	23/10/2003	Nghệ An	Kinh	7.0	9.0	2159/QĐ178/2025	TH012790	
49	Nguyễn Thị Linh Phương	Nữ	15/02/2003	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	2160/QĐ178/2025	TH012791	
50	Hồ Quỳnh Phương	Nữ	01/8/2003	Nghệ An	Kinh	6.0	8.0	2161/QĐ178/2025	TH012792	
51	Phan Thị Hồng Phượng	Nữ	01/8/2003	Nghệ An	Kinh	5.7	8.5	2162/QĐ178/2025	TH012793	
52	Hồ Thị Tâm	Nữ	16/6/1992	Nghệ An	Kinh	6.0	6.0	2163/QĐ178/2025	TH012794	
53	Trần Phương Thảo	Nữ	08/12/2003	Nghệ An	Kinh	7.0	9.0	2164/QĐ178/2025	TH012795	
54	Trần Thị Thơm	Nữ	25/3/1996	Nghệ An	Kinh	7.7	6.0	2165/QĐ178/2025	TH012796	
55	Hoàng Thị Thương	Nữ	02/6/2003	Nghệ An	Kinh	6.0	8.0	2166/QĐ178/2025	TH012797	
56	Trần Thị Ái Thương	Nữ	06/11/2003	Nghệ An	Kinh	5.7	8.5	2167/QĐ178/2025	TH012798	
57	Cao Thị Thủy	Nữ	08/9/2003	Nghệ An	Kinh	6.0	7.5	2168/QĐ178/2025	TH012799	
58	Võ Thị Thủy	Nữ	12/6/2003	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	2169/QĐ178/2025	TH012800	
59	Bùi Thị Nữ Trâm	Nữ	10/01/2000	Quảng Ngãi	Kinh	5.3	6.5	2170/QĐ178/2025	TH012801	
60	Võ Thị Trang	Nữ	22/01/1995	Hà Tĩnh	Kinh	6.0	5.0	2171/QĐ178/2025	TH012802	
61	Lô Thị Uyên	Nữ	11/6/2001	Nghệ An	Thái	6.0	6.5	2172/QĐ178/2025	TH012803	
62	Lê Phương Thảo Vy	Nữ	17/12/2003	Nghệ An	Kinh	5.7	8.5	2173/QĐ178/2025	TH012804	
63	Dương Thị Hải Yến	Nữ	15/12/2003	Hà Tĩnh	Kinh	6.0	8.5	2174/QĐ178/2025	TH012805	
64	Đặng Mai Anh	Nữ	30/12/2003	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	2175/QĐ178/2025	TH012806	
65	Đặng Anh Đức	Nam	14/10/2003	Lạng Sơn	Kinh	6.7	6.5	2176/QĐ178/2025	TH012807	
66	Phạm Thị Dung	Nữ	04/8/2002	Nghệ An	Kinh	6.3	5.0	2177/QĐ178/2025	TH012808	
67	Lê Thị Dung	Nữ	04/10/1992	Nghệ An	Kinh	6.0	6.0	2178/QĐ178/2025	TH012809	
68	Lê Thị Hoàng Giang	Nữ	06/12/2003	Thanh Hóa	Kinh	6.0	7.5	2179/QĐ178/2025	TH012810	
69	Hồ Đình Hiếu	Nam	10/12/2002	Nghệ An	Kinh	6.0	7.5	2180/QĐ178/2025	TH012811	
70	Lê Thị Hoa	Nữ	18/6/2003	Thanh Hóa	Kinh	6.3	5.5	2181/QĐ178/2025	TH012812	
71	Trần Thị Hoan	Nữ	01/01/1988	Nghệ An	Kinh	5.3	7.5	2182/QĐ178/2025	TH012813	
72	Nguyễn Trí Hoàng	Nam	18/3/2003	Hà Tĩnh	Kinh	5.7	6.0	2183/QĐ178/2025	TH012814	
73	Trần Kim Khánh	Nam	22/7/2003	Hà Tĩnh	Kinh	6.3	6.5	2184/QĐ178/2025	TH012815	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
74	Dương Thị Lành	Nữ	10/6/1993	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	2185/QĐ178/2025	TH012816	
75	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	05/10/2004	Nghệ An	Kinh	5.3	5.5	2186/QĐ178/2025	TH012817	
76	Nguyễn Thị Cẩm Ly	Nữ	15/7/2003	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	2187/QĐ178/2025	TH012818	
77	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Nữ	08/3/2003	Hà Tĩnh	Kinh	5.7	7.5	2188/QĐ178/2025	TH012819	
78	Đặng Thảo Ngân	Nữ	30/10/2002	Nghệ An	Kinh	6.7	5.0	2189/QĐ178/2025	TH012820	
79	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	20/11/2003	Nghệ An	Kinh	6.0	6.0	2190/QĐ178/2025	TH012821	
80	Chu Thị Quỳnh Như	Nữ	02/7/2002	Hà Tĩnh	Kinh	6.0	6.5	2191/QĐ178/2025	TH012822	
81	Nguyễn Thị Sinh	Nữ	06/10/1989	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	2192/QĐ178/2025	TH012823	
82	Nguyễn Thị Soa	Nữ	21/4/1998	Nghệ An	Kinh	6.0	8.5	2193/QĐ178/2025	TH012824	
83	Lê Thị Thanh	Nữ	25/9/2003	Thanh Hóa	Kinh	6.3	6.0	2194/QĐ178/2025	TH012825	
84	Nguyễn Thị Hoài Thương	Nữ	10/10/2003	Hà Tĩnh	Kinh	6.0	7.0	2195/QĐ178/2025	TH012826	
85	Phạm Thị Hoài Thương	Nữ	31/5/2003	Nghệ An	Kinh	6.3	9.0	2196/QĐ178/2025	TH012827	
86	Trần Thị Thúy	Nữ	24/7/2002	Nghệ An	Kinh	6.3	8.0	2197/QĐ178/2025	TH012828	
87	Đặng Thị Quỳnh Trang	Nữ	17/7/2001	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	2198/QĐ178/2025	TH012829	
88	Lê Thị Trang	Nữ	07/01/2003	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	2199/QĐ178/2025	TH012830	
89	Bùi Thu Trang	Nữ	03/5/2003	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	2200/QĐ178/2025	TH012831	
90	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	17/9/2003	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	2201/QĐ178/2025	TH012832	
91	Trần Thị Vân	Nữ	24/7/2002	Nghệ An	Kinh	6.0	8.0	2202/QĐ178/2025	TH012833	
92	Hà Thị Ngọc Viên	Nữ	13/3/2002	Nghệ An	Thái	6.0	7.5	2203/QĐ178/2025	TH012834	
93	Nguyễn Thị Thảo Vy	Nữ	04/9/2003	Hà Tĩnh	Kinh	6.0	9.0	2204/QĐ178/2025	TH012835	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			